

# THỰC TRẠNG TỔ CHỨC DẠY HỌC HÒA NHẬP MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI LỚP 2 CHO TRẺ KHUYẾT TẬT TRÍ TUỆ

**NGUYỄN THỊ THÂN THUY**  
Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và  
Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình

## 1. Đặt vấn đề

Môn Tự nhiên và Xã hội (TN-XH) ở tiểu học là một môn học bắt buộc, phân phối chương trình được thiết kế theo hướng đồng tâm nội dung tăng dần độ khó yêu cầu cần đạt đối với từng bài dạy, tiết dạy cần đạt chuẩn về kiến thức, kỹ năng, thái độ đối với mọi đối tượng học sinh (HS), phần ghi chú của mỗi bài là kiến thức, kỹ năng dành để khuyến khích HS đạt ở mức cao hơn, giáo viên (GV) có biện pháp dạy học thích hợp cho các HS yếu, HS khuyết tật trí tuệ.

Môn TN-XH ở lớp 2 thực hiện theo kế hoạch dạy mỗi tuần 1 tiết, cả năm 35 tiết / 35 tuần dựa theo sách giáo khoa TN-XH 2 đang sử dụng trong các trường tiểu học trên toàn quốc.

Trẻ khuyết tật (TKT) trí tuệ là những trẻ hạn chế về trí thông minh, khả năng thích ứng (kỹ năng xã hội) và hiện tượng khuyết tật trí tuệ xuất hiện trước 18 tuổi.

## 2. Nội dung nghiên cứu thực trạng

### 2.1. Những vấn đề chung về nghiên cứu thực trạng

*Mục đích:* Nhằm đánh giá toàn diện thực trạng sử dụng phương tiện trực quan (PTTQ) ở trường tiểu học, từ đó xác lập cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng các biện pháp sử dụng PTTQ trong tổ chức dạy học hòa nhập (DHHN) môn TN-XH ở lớp 2 có TKT trí tuệ.

*Nội dung:* 1) Đánh giá nhận thức của GV, cán bộ quản lý về mức độ cần thiết và vai trò của việc sử dụng PTTQ trong tổ chức DHHN; 2) Những căn cứ của GV trong sử dụng PTTQ trong tổ chức DHHN; 3) Đánh giá mức độ sử dụng PTTQ trong tổ chức DHHN môn TN-XH ở lớp 2 có TKT trí tuệ của GV; 4)

Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng sử dụng PTTQ trong tổ chức DHHN môn TN-XH ở lớp 2 có TKT trí tuệ của GV; 5) Đánh giá về hiệu quả sử dụng PTTQ trong tổ chức DHHN môn TN-XH ở lớp 2 có TKT trí tuệ của trường tiểu học; 6) Những khó khăn của GV đối với việc sử dụng PTTQ trong tổ chức DHHN môn TN-XH ở lớp 2 có TKT trí tuệ; 7) Ý kiến của GV và CBQL trường tiểu học về các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc sử dụng PTTQ trong tổ chức DHHN môn TN-XH ở lớp 2 có TKT trí tuệ.

### 2.2. Đánh giá chung về kết quả nghiên cứu thực trạng

Đổi mới thực hiện Chương trình giáo dục tiểu học đã mang lại sự thay đổi tích cực trong đổi mới giáo dục và dạy học tiểu học song cũng có rất nhiều các vấn đề thách thức đối với thực hiện chương trình này. Cụ thể là thực hiện chương trình môn học TN-XH lớp 2 đối với TKT trí tuệ học hòa nhập.

Trên cơ sở những kết quả thu được từ nghiên cứu thực trạng trên, chúng tôi xin có một số bàn luận cụ thể về các phương diện dưới đây:

### 2.3. Những điểm mạnh của thực trạng sử dụng PTTQ trong tổ chức dạy học hòa nhập môn TN-XH ở lớp 2 cho TKT trí tuệ tại địa bàn khảo sát

*Thứ nhất,* sự cần thiết phải sử dụng PTTQ theo tiến trình đối với các loại bài học của môn học (bài hình thành kiến thức mới, bài luyện tập, bài ôn tập, bài kiểm tra, bài hỗn hợp) nhằm đảm bảo sự tham gia tích cực và lĩnh hội kiến thức có hiệu quả của TKT trí tuệ đã được GV nhận thức và đánh giá đúng đắn. Để thực hiện được điều này, GV cho rằng cần hiểu thật rõ, chính xác những đặc

điểm phát triển các lĩnh vực cơ bản của TKT trí tuệ trên cơ sở sử dụng các hình thức và phương pháp đánh giá khả năng và nhu cầu của trẻ khác nhau. Trên cơ sở đó xây dựng mục tiêu, lựa chọn PTTQ cũng như các phương tiện dạy học khác để tiến hành bài học môn TN-XH có hiệu quả cho đối tượng này học hoà nhập.

*Thứ hai,* Lựa chọn và sử dụng PTTQ của môn học một cách đa dạng, phù hợp với trình độ, sở thích của TKT trí tuệ, lớp học hòa nhập nhằm giúp TKT trí tuệ có thể tham gia vào quá trình học tập trên lớp đã được GV lưu ý và thực hiện trong xây dựng kế hoạch bài học và thực hiện giờ dạy học trên lớp. Bước đầu, GV đã sử dụng PTTQ dạy học tuân theo các nguyên tắc chung của nội dung này trong hoạt động giảng dạy của mình.

*Thứ ba,* những khó khăn trong việc sử dụng PTTQ như: Số lượng PTTQ ít, PTTQ không phù hợp với TKT trí tuệ và nội dung đặc thù của môn TN-XH, kĩ năng sử dụng của GV hạn chế, thiếu tài liệu hướng dẫn sử dụng và chất lượng PTTQ không đảm bảo,... cũng đã được GV đưa ra một cách tương đối đầy đủ. Điều này cho thấy, GV đã hình dung được muốn dạy học cho đối tượng này học hoà nhập một cách có hiệu quả thì cần phải giải quyết được những khó khăn đó.

Mặc dù những kết quả phản ánh điểm mạnh của GV trong việc sử dụng PTTQ trong tổ chức dạy học hòa nhập môn TN-XH ở lớp 2 cho TKT trí tuệ thuộc địa bàn nghiên cứu còn chưa nhiều, song điều này có thể được coi là tiền đề quan trọng để đảm bảo cho việc đưa ra được các biện pháp tác động tiếp theo nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng sử dụng PTTQ trong dạy học hòa nhập môn học này cho TKT trí tuệ.

#### **2.4. Những hạn chế cơ bản của thực trạng sử dụng PTTQ trong tổ chức dạy học hòa nhập môn TN-XH ở lớp 2 cho TKT trí tuệ tại địa bàn khảo sát**

Kết quả khảo sát và phân tích trên cũng đã chỉ ra những hạn chế của thực trạng sử dụng PTTQ trong tổ chức dạy học hòa nhập môn TN-XH ở lớp 2 cho TKT trí tuệ tại địa bàn khảo sát được thể hiện rõ ở các lĩnh vực cơ bản sau:

*Thứ nhất:* Có sự khác biệt giữa nhận thức và

thực hiện trong thực tế lên lớp của GV. Mặc dù GV đã có nhận thức tương đối đầy đủ về sử dụng PTTQ trong tổ chức dạy học hòa nhập môn TN-XH ở lớp 2 cho TKT trí tuệ nhưng mức độ áp dụng kiến thức đã được trang bị trong các khoá tập huấn bồi dưỡng kiến thức về GDHN còn rất nhiều hạn chế, trong toàn bộ các khâu của quá trình lên lớp không chỉ cho HS của cả lớp nói chung mà trước hết là cho TKT trí tuệ học hoà nhập, GV gần như hoàn toàn phụ thuộc vào PTTQ sẵn có do Bộ GD&ĐT cấp và hướng dẫn sử dụng chung. Chưa sử dụng PTTQ đặc thù dành cho đối tượng TKT trí tuệ học hoà nhập.

*Thứ hai:* Kĩ năng sử dụng PTTQ trong tổ chức DHHN môn TN-XH ở lớp 2 có TKT trí tuệ của GV còn nhiều hạn chế. Điều này được thể hiện ở những nội dung cơ bản như: 1) Kĩ năng trình bày, hướng dẫn, giới thiệu lời cuốn sự chú ý của trẻ; 2) Kĩ năng xác định, lựa chọn đúng PTTQ; 3) phối hợp hài hoà trong sử dụng PTTQ giữa TKT trí tuệ với các trẻ khác.

*Thứ ba:* Kết quả sử dụng PTTQ trong tổ chức DHHN môn TN-XH ở lớp 2 có TKT trí tuệ bao gồm việc sử dụng các PTTQ chung (Phương tiện hỗ trợ cá nhân; Phương tiện hỗ trợ vận động và phát triển thể chất; Phương tiện hỗ trợ các hoạt động vui chơi và giải trí; Phương tiện luyện tập hành vi) và sử dụng PTTQ trong môn TN-XH lớp 2 cho TKT trí tuệ học hòa nhập (Các PTTQ do Bộ GD&ĐT ban hành; PTTQ cho TKT trí tuệ: Bộ tranh hình, bộ đồ dùng học tập bằng nhựa, bộ lắp ghép, sách giáo khoa biểu tượng,...) còn rất hạn chế. Có thể khẳng định ban đầu rằng, đây được coi là hệ quả tất yếu của những hạn chế trong sử dụng PTTQ trong tổ chức DHHN nói chung và sử dụng PTTQ trong tổ chức DHHN môn TN-XH ở lớp 2 có TKT trí tuệ nói riêng.

#### **2.5. Nguyên nhân dẫn đến thực trạng sử dụng PTTQ trong tổ chức dạy học hòa nhập môn TN-XH ở lớp 2 cho TKT trí tuệ tại địa bàn khảo sát**

Qua thực tiễn trực tiếp hỗ trợ các địa phương thực hiện GDHN TKT và kết quả nghiên cứu thực trạng sử dụng PTTQ trong tổ chức DHHN môn TN-XH ở lớp 2 có TKT trí tuệ tại địa bàn nghiên

cứu trên đây, chúng tôi xem xét nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên ở cả hai khía cạnh: Nguyên nhân của những điểm mạnh và nguyên nhân của những hạn chế, thách thức.

### 2.5.1. Nguyên nhân dẫn đến điểm mạnh của thực trạng

*Thứ nhất:* Địa bàn nghiên cứu thuộc Dự án (như đã đề cập), nên 100% GV đã được tập huấn bồi dưỡng về dạy học hòa nhập nói chung và sử dụng PTTQ nói riêng cho TKT trí tuệ.

Nội dung bồi dưỡng cụ thể liên quan đến vấn đề nghiên cứu bao gồm: 1) Lí luận chung về PTTQ, sử dụng PTTQ trong tổ chức DHHN 2) Lí luận về DHHN, 3) Lí luận về TKT trí tuệ.

Nội dung các khoá bồi dưỡng được thiết kế theo kiểu “đồng tâm”, tức là đi từ nội dung mang tính đại cương về PTTQ và sử dụng PTTQ cho đến việc đi sâu từng chuyên ngành đối với từng dạng TKT, trong đó có TKT trí tuệ học hòa nhập, tăng dần mức độ yêu cầu về kiến thức và kĩ năng. Những khoá tập huấn này do các chuyên gia Viện KHGD Việt Nam, giảng viên Khoa Giáo dục đặc biệt – Trường ĐHSP Hà Nội thực hiện.

Kiến thức và kĩ năng GV thu nhận được từ các khoá tập huấn bồi dưỡng trên đã bước đầu được áp dụng vào thực tiễn dạy học và giáo dục của các trường tiểu học thuộc địa bàn nghiên cứu. TKT trí tuệ được GV và các bạn của trẻ quan tâm, chú ý và hỗ trợ nhiều hơn, tham gia nhiều hơn vào các hoạt động học tập trên lớp.

*Thứ hai:* GDHN đã được Bộ GD&ĐT coi là con đường chủ yếu để thực hiện Quyền được tiếp cận với giáo dục, được đến trường của TKT nói chung, TKT trí tuệ nói riêng. Chỉ đạo ngành giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực. Cụ thể: Ban chỉ đạo giáo dục khuyết tật của Bộ GD&ĐT được củng cố, hoàn thiện theo từng giai đoạn, việc quản lí nhà nước về giáo dục khuyết tật ngày càng sâu sát, chặt chẽ. Các địa phương thành lập Ban chỉ đạo cấp tỉnh, cấp huyện, các Sở và Phòng GD&ĐT thành lập Ban chỉ đạo tại cơ sở của mình. Hằng năm, hướng dẫn thực hiện năm học của các vụ bậc học mầm non, tiểu học và trung học đều có nội dung về GDHN, các tổng kết năm học của

ngành đều đã đánh giá công tác GDHN.

Quốc hội khóa XII đã thông qua Luật số: 51/2010/QH12 ban hành Luật Người khuyết tật, ngày 17 tháng 6 năm 2010 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Trong năm 2011, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) chủ trì và phối hợp đang khẩn trương tiến hành xây dựng hệ thống các văn bản pháp quy dưới Luật Người khuyết tật như Nghị định về Giáo dục người khuyết tật (đã trình Thủ tướng Chính phủ), Thông tư liên tịch giữa Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (LĐ-TB&XH) và Bộ GD&ĐT về Chính sách ưu đãi đối với giáo dục cho người khuyết tật và Thông tư liên tịch giữa Bộ LĐ-TB&XH và Bộ GD&ĐT về Quy định về Quy định điều kiện thành lập và hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN (hiện cả hai Thông tư này đã được trình phê duyệt của Lãnh đạo hai Bộ LĐ-TB&XH và Bộ GD&ĐT). Nội dung GDHN TKT cũng đã được đưa vào Dự thảo Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020 với dự kiến Chương trình mục tiêu số 12 của Chính phủ cho lĩnh vực này.

*Thứ ba,* Nhận thức về giáo dục TKT có những chuyển biến tích cực, tỉ lệ TKT, trong đó phần đông là TKT trí tuệ được đến trường ngày một tăng. Đồng thời với sự kì vọng vào chất lượng và hiệu quả giáo dục và dạy học của đối tượng này tại địa bàn khảo sát đòi hỏi các nhà trường phải có sự thay đổi trong tổ chức dạy học và giáo dục, đặc biệt là chú trọng đến vấn đề sử dụng PTTQ nhằm chuyển tải được nội dung học tập và vận dụng các phương pháp dạy học, để đáp ứng phù hợp với đặc điểm của đối tượng này.

### 2.5.2. Nguyên nhân dẫn đến hạn chế của thực trạng

*Thứ nhất:* Tư tưởng và việc làm của GV còn nặng về áp dụng các phương pháp dạy học truyền thống nên hạn chế việc sử dụng PTTQ trong dạy học hòa nhập nói chung. Nếu GV và các nhà trường tích cực thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đặc biệt là sử dụng PTTQ đặc thù trong lớp học hòa nhập có TKT trí tuệ thì TKT trí tuệ có thể tham gia vào các hoạt động học tập trên lớp một cách có hiệu quả.

*Thứ hai:* GV tại địa bàn nghiên cứu chưa thực sự có kĩ năng sử dụng PTTQ trong tổ chức DHHN môn TN-XH ở lớp 2 có TKT trí tuệ. Nội dung kiến thức của các đợt bồi dưỡng còn mang tính định hướng và đại cương, chưa đi sâu vào việc hình thành kĩ năng sử dụng PTTQ cho GV. Hơn nữa, việc sử dụng PTTQ trong tổ chức DHHN môn TN-XH ở lớp 2 có TKT trí tuệ ở mức độ sử dụng các PTTQ chung mà chưa chú trọng đến sử dụng PTTQ đặc thù.

Để thay đổi thói quen và hình thành kĩ năng sử dụng PTTQ trong tổ chức DHHN môn TN-XH ở lớp 2 có TKT trí tuệ theo định hướng phân hoá và tiếp cận năng lực cá nhân TKT trí tuệ cũng khó có thể đạt được trong một thời gian ngắn với những điều kiện chung về dạy và học còn nhiều khó khăn ở các nhà trường, nhất là các nhà trường thuộc địa bàn miền núi phía Bắc như Hòa Bình và Bắc Kạn.

*Thứ ba:* Đối tượng TKT trí tuệ là dạng khuyết tật khó khăn nhất trong các dạng TKT trong giáo dục và dạy học. Chất lượng giáo dục và dạy học đối với TKT trí tuệ thường rất hạn chế.

*Thứ tư:* GV chưa thực sự có niềm tin và kì vọng vào sự phát triển của TKT trí tuệ. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến việc tính sáng tạo, khả năng dám đương đầu và giải quyết thách thức của GV giảm đi rất nhiều. Hệ quả là GV không say mê, hứng thú trong làm, sử dụng PTTQ đặc thù cho TKT trí tuệ học hòa nhập nói chung cũng như trong môn TN-XH ở lớp 2.

### **3. Một vài hướng khắc phục thực trạng sử dụng PTTQ trong tổ chức DHHN môn TN-XH ở lớp 2 có TKT trí tuệ**

Khắc phục thực trạng sử dụng PTTQ trong tổ chức DHHN môn TN-XH ở lớp 2 có TKT trí tuệ trên, chúng tôi đề xuất các hướng sau:

*Thứ nhất,* các nhà trường thuộc địa bàn nghiên cứu cần chú ý tăng cường số lượng PTTQ thông qua thiết kế, làm và sưu tầm của GV, trẻ. Đồng thời, các nhà trường cần huy động sự hỗ trợ từ các nguồn khác như thông qua các chương trình dự án, tổ chức, cá nhân, các cơ sở sản xuất trên địa bàn,...

*Thứ hai,* môn TN-XH có các đặc thù riêng đối với việc sử dụng PTTQ, nhất là đối với TKT trí tuệ học hòa nhập. Tiến trình của một bài học môn học tuân theo các bước của một bài học hòa nhập nói chung song có các loại bài học cụ thể của môn học (bài hình thành kiến thức mới, bài luyện tập, bài ôn tập, bài kiểm tra, bài hỗn hợp). Sử dụng PTTQ trong tổ chức DHHN môn TN-XH ở lớp 2 có TKT trí tuệ GV cần bám sát vào từng loại bài học và đặc điểm của TKT trí tuệ trong lớp của mình để áp dụng cho phù hợp, có hiệu quả nhất.

*Thứ 3,* nội dung kiến thức của các đợt bồi dưỡng hình thành kĩ năng sử dụng PTTQ cho GV cần được thiết kế và tiến hành theo các mức độ từ đại cương đến chuyên sâu, đặc thù không chỉ cho TKT trí tuệ mà còn cho các đối tượng khác trong các lớp hòa nhập.

*Thứ 4,* GV cần lựa chọn và sử dụng PTTQ của môn học đa dạng, phù hợp với trình độ, sở thích của TKT trí tuệ ở lớp học hòa nhập, sử dụng PTTQ kết hợp với các PTDH khác một cách linh hoạt theo yêu cầu dạy học tích hợp trong giáo dục tiểu học.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2000), *Chương trình tiểu học*, NXB Giáo dục.
2. Trần Thị Tuyết Oanh(2010), *Giáo dục học tập 1*, NXB Đại học sư phạm.
3. Vũ Trọng Rỹ (1997), *Một số vấn đề lí luận về phương tiện dạy học*, Viện KHGD.
4. Viện KHGD (1995), *Giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật*, Tài liệu bồi dưỡng GV tiểu học, Trung tâm Tật học.

### SUMMARY

*The author presents the status of inclusive education in Grade 2 of Nature - Society subject for mentally impaired children, including: advantages and disadvantages, causes and 4 directions for improving the situation.*